

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/DS-ST

Ngày: 12-4-2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2018/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-DS ngày 08-3-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 05 Quang T, tổ 9, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 154/4 Nguyễn Thái H, tổ 4, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 154/4 Nguyễn Thái H, tổ 4, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 12-12-2018 và bản tự khai ngày 14-12-2018 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị Thanh T trình bày:

Ngày 18-01-2018 bà Lê Thị Thanh T có cho ông Huỳnh Ngọc P và bà Nguyễn Thị Kim D vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay tiền ông P có viết cho bà một giấy vay tiền đề ngày 18-01-2018, đồng thời đề làm tin ông P có thể chấp cho bà T một bản gốc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 881307 do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 06-6-2017 cho ông Huỳnh Ngọc P và bà Nguyễn Thị Kim D. Ông P và bà D và cam kết khi nào bà T cần tiền báo trước cho ông P và bà D một tháng thì ông P và bà D trả số tiền nợ cho bà T, từ khi viết giấy vay tiền đến nay do bà T cần tiền nên đã nhiều lần yêu cầu ông P và bà D trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng nhưng ông P và bà D không trả.

Khi cho vay, ông Huỳnh Ngọc P viết giấy vay đưa cho bà giữ và bà đã nộp bản gốc giấy vay cho Tòa án, lúc này bà mới biết Giấy vay tiền ngày 18-01-2018 chỉ có ông Huỳnh Ngọc P ký và ghi rõ họ tên, bà Nguyễn Thị Kim D không ký vào giấy vay này. Vì vậy, tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông Huỳnh Ngọc P phải trả cho bà 300.000.000 đồng, bà không yêu cầu ông P trả lãi của số tiền nói trên.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với ông Huỳnh Ngọc P và bà Nguyễn Thị Kim D. Tuy nhiên, ông Huỳnh Ngọc P và bà Nguyễn Thị Kim D không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, ông Huỳnh Ngọc P và bà Nguyễn Thị Kim D không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T, buộc ông Huỳnh Ngọc P phải trả cho bà Lê Thị Thanh T 300.000.000 đồng, buộc bà Lê Thị Thanh T phải trả cho ông Huỳnh Ngọc P một bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 881307 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 06-6-2017 cho ông Huỳnh Ngọc P và bà Nguyễn Thị Kim D; buộc ông Huỳnh Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Ngọc P và bà Nguyễn Thị Kim D có nơi cư trú tại 154/4 Nguyễn Thái H, tổ 4, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền vay, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay

tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2]. Ông Huỳnh Ngọc P và bà Nguyễn Thị Kim D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Huỳnh Ngọc P và bà Nguyễn Thị Kim D.

[3] Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn là ông Huỳnh Ngọc P phải trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng tại Giấy vay tiền đề ngày 18-01-2018 vì giấy vay tiền này chỉ có một mình ông Huỳnh Ngọc P viết và ký tên, bà Nguyễn Thị Kim D không có ký vào giấy vay nên không khởi kiện buộc bà D trả tiền vay. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T và xác định bị đơn trong vụ án này là ông Huỳnh Ngọc P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Kim D.

[4] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy vay tiền ngày 18-01-2018 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký ghi tên ông Huỳnh Ngọc P, nguyên đơn đang giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 881307 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 06-6-2017 cho bị đơn phù hợp với thỏa thuận trong giấy vay tiền, nguyên đơn cho rằng đã yêu cầu bị đơn trả nợ nhiều lần, quá thời hạn 01 tháng đã thỏa thuận nhưng bị đơn không trả. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt đơn khởi kiện, cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối, do đó có căn cứ xác định giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và thời hạn trả nợ như nguyên đơn đã trình bày cho Tòa án là đúng sự thật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà Lê Thị Thanh T và ông Huỳnh Ngọc P được giao kết hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã cam kết, nhưng do ông Huỳnh Ngọc P vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên bà Lê Thị Thanh T khởi kiện là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T, buộc ông Huỳnh Ngọc P phải trả cho bà Lê Thị Thanh T 300.000.000 đồng nợ gốc theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Khi vay tiền của bà T, để làm tin ông P có thể chấp cho bà T một bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 881307 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 06-6-2017 cho ông Huỳnh Ngọc P và bà Nguyễn Thị Kim D để bà T giữ. Xét thấy, việc ông P thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà T không đúng theo quy định của pháp luật về đăng ký tài sản thế chấp nên không có hiệu lực, vì vậy buộc bà T phải trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Huỳnh Ngọc P.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T được chấp nhận nên ông Huỳnh Ngọc P phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T.

Buộc ông Huỳnh Ngọc P phải trả cho bà Lê Thị Thanh T 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) nợ gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Lê Thị Thanh T có nghĩa vụ phải trả cho ông Huỳnh Ngọc P bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 881307 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 06-6-2017 cho ông Huỳnh Ngọc P và bà Nguyễn Thị Kim D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Huỳnh Ngọc P phải chịu 15.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà T 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số 0004370 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu